

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LONG AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

NĂM HỌC 2023 – 2024

Môn thi: Tiếng Anh

Thời gian làm bài: 60 phút

I. Put the verbs in the correct form or tense.

- We should (do) _____ morning exercises to keep fit.
- VinFast's new cars (become) _____ the best sellers in all three segments in Vietnam in 2030.
- They (pollute) _____ this river since they built their factory here.
- The lessons (start) _____ at 7 o'clock every morning.
- She (spend) _____ a lot of time doing voluntary work last year.
- I am proud of (study) _____ at this school.

II. Complete each sentence with one suitable preposition or connective given in the box. There is ONE extra word.

although – of – because – for – in – to

- I couldn't answer the examiner's questions correctly _____ they were difficult.
- _____ people know that they should save energy, they still waste it.
- The FIFA World Cup took place in Qatar from 20 November _____ 18 December 2022.
- He has taken part _____ different social activities.
- Young generations are fond _____ electronic devices.

III. Use the correct form of the word given in each sentence.

- I like these websites because they are _____. (USE)
- Air _____ makes us unhealthy. (POLLUTE)
- A complaint letter shouldn't be ended _____. (POLITE)

IV. Complete the text with the words given in the box. There is ONE extra word.

follow – trends – shoppers – most – responsible – are – famous

FASHION CHANGES

Online shopping has changed the world of fashion. We can buy clothes from all over the world, compare prices and find the best places to shop. What other things have changed the fashion world?

There are a lot of new people starting new (15) _____, especially teenagers. Some of them are (16) _____ like Romeo Beckham, but many are normal teenagers who use social media to show people how to dress well. A lot of people (17) _____ them on social media, so clothing companies now look at their ideas. These teenagers don't just follow fashion, they make it. To them, it doesn't matter if something is old or new. The (18) _____ important thing is that it looks good.

Many people buy their clothes online, but shopping centres (19) _____ still very busy. There are lots of clothes shops to choose from. Some shops use unusual ideas to try and get more customers. For

example, many (20) _____ have been to visit Jonny Cupcakes and it's an experience they won't forget. It's a clothes so that smells of cakes and sugar!

(Source: McMillan-Optimise A2 Student's Book)

V. Read the passage and do the following tasks.

SOLAR POWER

Solar power has become one of the most important alternative energy when people are running out of natural resources like coals, oils or forests due to many reasons. First, it is a non-polluting and abundant source of energy. It does not pollute the air by releasing harmful gases like carbon dioxide, nitrogen oxide or sulphur oxide. So, the risk of damage to the environment is reduced. More importantly, solar energy can be used to produce electricity as long as the sun exists and of course sunlight is available everywhere. In addition, to generate electricity from solar power, people only need some solar panels, which are easy to be installed. And finally, this energy from the sun can be used in remote locations, where running power lines are difficult or costly. Solar panels can be set up as long as they receive the sunlight.

*** Complete the answers with information from the passage. (WRITE NO MORE THAN THREE WORDS)**

21. What has solar power become when people are running out of natural resources?

=> It has become one of the most _____ when people are running out of natural resources.

22. Why is solar power clean?

=> Because it does not pollute the air by _____ like carbon dioxide, nitrogen oxide or sulphur oxide.

*** Write full answers to the questions with information from the passage.**

23. When can solar energy be used to produce electricity?

=> _____.

24. To generate electricity from solar power, what do people only need?

=> _____.

VI. Rewrite the following sentences as directed.

25. John doesn't join in the football match training.

=> John wishes _____.

26. People will use Chatbot AI in the future.

=> Chatbot AI _____.

27. I can't get better grades because I don't study harder enough.

=> If _____.

28. The book was very interesting. I bought it from the bookstore yesterday.

=> The book which _____.

VII. Make meaningful sentences from the words or phrases given.

29. It/ be/ dangerous/ students/ go/ school/ electric bikes/ wearing helmets.

=> _____.

30. If we/ not/ aware/ protect/ wildlife/, there/ be nothing/ left/ future generations/.

=> _____.

--- THE END ---

HƯỚNG DẪN GIẢI

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

1. do	2. will become	3. have polluted	4. start	5. spent
6. studying	7. because	8. Although	9. to	10. in
11. of	12. useful	13. pollution	14. impolitely	15. trends
16. famous	17. follow	18. most	19. are	20. shoppers

21. important alternative energy

22. releasing harmful gases

23. It can be used to produce electricity as long as the sun exists, and sunlight is available everywhere.

24. People only need some solar panels.

25. he joined in the football match training.

26. will be used in the future.

27. I studied harder enough I could get better grades.

28. I bought from the bookstore yesterday was very interesting.

29. It is dangerous for students to go to school by electric bikes without wearing helmets.

30. If we are not aware of protecting wildlife, there will be nothing left the future generations.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

should: nên

Sau “should” chúng ta dùng động từ dạng nguyên thể => do

Tạm dịch: Chúng ta nên tập thể dục buổi sáng để giữ dáng.

Đáp án do

2. (TH)

Kiến thức: Tương lai đơn

Giải thích:

in 2030: năm 2030, là thời gian trong tương lai, nên chúng ta chia ở thì tương lai đơn

=> will become

Tạm dịch: Ô tô mới của VinFast sẽ trở thành sản phẩm bán chạy nhất ở cả 3 phân khúc tại Việt Nam vào năm 2030

Đáp án will become

3. (NB)

Kiến thức: Quá khứ đơn

Giải thích:

Since: kể từ khi

Sau “since” chúng ta dùng thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề còn lại chúng ta chia ở thì quá khứ đơn

=> polluted

Tạm dịch: Họ đã làm ô nhiễm dòng sông này kể từ khi họ xây dựng nhà máy ở đây.

Đáp án have polluted

4. (NB)

Kiến thức: Hiện tại đơn

Giải thích:

Thì hiện tại đơn diễn tả hành động xảy ra thường xuyên và liên tục

“every morning” (mỗi buổi sáng)

Chủ ngữ “the lessons” là số nhiều => start

Tạm dịch: Các bài học bắt đầu lúc 7 giờ mỗi sáng.

Đáp án start

5. (TH)

Kiến thức: Câu hỏi đuôi

Giải thích:

Vế trước câu hỏi đuôi dùng khẳng định (have cleaned) => câu hỏi đuôi dùng phủ định

Chủ ngữ là “you” nên dùng “haven’t you” (thì hiện tại hoàn thành)

Tạm dịch: Bạn đã làm sạch chiếc xe đạp của mình rồi phải không?

Tạm dịch: do

Đáp án spent

6. (TH)

Kiến thức: To V/ V-ing

Giải thích:

to be proud of + V-ing: tự hào về điều gì đó

=> studying

Tạm dịch: Tôi tự hào khi được học ở ngôi trường này.

Đáp án studying

7. (TH)

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

because: bởi vì, dùng để đưa ra mệnh đề chỉ nguyên nhân

=> I couldn’t answer the examiner’s questions correctly because they were difficult.

Tạm dịch: B Tôi không thể trả lời chính xác các câu hỏi của giám khảo vì chúng quá khó.

Đáp án because

8. (TH)

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

Although: mặc dù, để chỉ sự nhượng bộ, theo sau là một mệnh đề

=> Although people know that they should save energy, they still waste it.

Tạm dịch: Dù người dân biết nên tiết kiệm năng lượng nhưng vẫn lãng phí.

Đáp án Although**9. (TH)**

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

from...to...: từ...tới...

=> The FIFA World Cup took place in Qatar from 20 November to 18 December 2022.

Tạm dịch: FIFA World Cup diễn ra tại Qatar từ ngày 20 tháng 11 đến ngày 18 tháng 12 năm 2022.

Đáp án to**10. (TH)**

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

Cụm từ: take part in (tham gia)

=> He has taken part in different social activities.

Tạm dịch: Anh ấy đã tham gia vào các hoạt động xã hội khác nhau.

Đáp án in**11. (TH)**

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

To be fond of = like: thích

=> Young generations are fond of electronic devices.

Tạm dịch: Thế hệ trẻ rất yêu thích các thiết bị điện tử.

Đáp án of**12. (TH)**

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Từ cần điền đứng sau to be nên chúng ta cần điền tính từ

use (v): sử dụng => useful (adj): hữu ích

=> I like these websites because they are useful.

Tạm dịch: Tôi thích những trang web này vì chúng hữu ích.

Đáp án useful**13. (TH)**

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

pollute (v): ô nhiễm => pollution (n): sự ô nhiễm

Air pollution: ô nhiễm không khí

=> Air pollution makes us unhealthy.

Tạm dịch: Ô nhiễm không khí khiến chúng ta không khỏe mạnh.

Đáp án pollution**14. (TH)**

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

polite (adj): lịch sự => impolite (adj): không lịch sự => impolitely (adv)

=> A complaint letter shouldn't be ended impolitely.

Tạm dịch: Một lá thư khiếu nại không nên kết thúc một cách bất lịch sự.

Đáp án impolitely**15. (TH)**

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

trends (n): xu hướng

=> There are a lot of new people starting new trends, especially teenagers.

Tạm dịch: Có rất nhiều người mới bắt đầu những xu hướng mới, đặc biệt là thanh thiếu niên.

Đáp án trends**16. (TH)**

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Sau tobe "are" nên chúng ta dùng tính từ "famous": nổi tiếng

=> Some of them are famous like Romeo Beckham, but many are normal teenagers who use social media to show people how to dress well.

Tạm dịch: Một số người trong số họ nổi tiếng như Romeo Beckham, nhưng nhiều người trong số họ là những thanh thiếu niên bình thường sử dụng mạng xã hội để hướng dẫn mọi người cách ăn mặc đẹp.

Đáp án famous**17. (TH)**

Kiến thức: Từ đồng nghĩa

Giải thích:

follow (v): theo dõi

=> A lot of people follow them on social media, so clothing companies now look at their ideas.

Tạm dịch: Rất nhiều người theo dõi họ trên mạng xã hội, vì vậy các công ty quần áo hiện đang xem xét ý tưởng của họ.

Đáp án follow**18. (TH)****Kiến thức:** Từ đồng nghĩa**Giải thích:**

the most important: quan trọng nhất (so sánh nhất)

=> The most important thing is that it looks good.

Tạm dịch: Điều quan trọng nhất là nó có vẻ tốt.**Đáp án most****19. (TH)****Kiến thức:** Tobe**Giải thích:**

Vị trí cần điền đứng trước tính từ “busy” nên chúng ta cần điền “tobe”

=> Many people buy their clothes online, but shopping centres are still very busy.

Tạm dịch: Nhiều người mua quần áo trực tuyến nhưng các trung tâm mua sắm vẫn rất đông đúc.**Đáp án are****20. (TH)****Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

shoppers (n): người mua hàng

Tạm dịch: Ví dụ, nhiều người mua hàng đã đến thăm Johnny Cupcakes và đó là một trải nghiệm họ sẽ không quên. Đó là một bộ quần áo có mùi bánh ngọt và đường!**Đáp án shoppers****Dịch bài đọc:****THAY ĐỔI THỜI TRANG**

Mua sắm trực tuyến đã thay đổi thế giới thời trang. Chúng ta có thể mua quần áo từ khắp nơi trên thế giới, so sánh giá cả và tìm những nơi tốt nhất để mua sắm. Những điều gì khác đã thay đổi thế giới thời trang?

Có rất nhiều người mới bắt đầu những xu hướng mới, đặc biệt là thanh thiếu niên. Một số người trong số họ nổi tiếng như Romeo Beckham, nhưng nhiều người trong số họ là những thanh thiếu niên bình thường sử dụng mạng xã hội để hướng dẫn mọi người cách ăn mặc đẹp. Rất nhiều người theo dõi họ trên mạng xã hội, vì vậy các công ty quần áo hiện đang xem xét ý tưởng của họ. Những thanh thiếu niên này không chỉ chạy theo thời trang mà họ còn tạo ra nó. Với họ, chuyện cũ hay mới không quan trọng. Điều quan trọng nhất là nó có vẻ tốt.

Nhiều người mua quần áo trực tuyến nhưng các trung tâm mua sắm vẫn rất đông đúc. Có rất nhiều cửa hàng quần áo để lựa chọn. Một số cửa hàng sử dụng những ý tưởng khác thường để cố gắng thu hút nhiều khách hàng hơn. Ví dụ: nhiều người mua hàng đã ghé thăm Jonny Cupcakes và đó là trải nghiệm họ sẽ không quên. Đó là một bộ quần áo có mùi bánh ngọt và đường!

21. (TH)**Kiến thức:** Mạo từ**Giải thích:**

Năng lượng mặt trời đã trở thành gì khi con người ngày càng cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên?

=> Nó đã trở thành một trong những _____ nhất khi con người cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.

Thông tin: Solar power has become one of the most **important alternative energy** when people are running out of natural resources like coals, oils or forests due to many reasons.

Tạm dịch: Năng lượng mặt trời đã trở thành một trong những nguồn năng lượng thay thế quan trọng nhất khi con người đang dần cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên như than, dầu hay rừng vì nhiều nguyên nhân.

Đáp án important alternative energy

22. (TH)**Kiến thức:** Bị động**Giải thích:**

Tại sao năng lượng mặt trời sạch?

=> Bởi vì nó không gây ô nhiễm không khí bởi _____ như carbon dioxide, oxit nitơ hoặc oxit lưu huỳnh.

Thông tin: It does not pollute the air by **releasing harmful gases** like carbon dioxide, nitrogen oxide or sulphur oxide.

Tạm dịch: Nó không gây ô nhiễm không khí bằng cách giải phóng các khí độc hại như carbon dioxide, oxit nitơ hoặc oxit lưu huỳnh.

Đáp án releasing harmful gases

23. (TH)**Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Khi nào năng lượng mặt trời có thể được sử dụng để sản xuất điện?

Thông tin: More importantly, solar energy can be used to produce electricity as long as the sun exists and of course sunlight is available everywhere.

Tạm dịch: Quan trọng hơn, năng lượng mặt trời có thể được sử dụng để sản xuất điện miễn là mặt trời còn tồn tại và tất nhiên ánh sáng mặt trời có ở khắp mọi nơi.

Đáp án It can be used to produce electricity as long as the sun exists and sunlight is available everywhere.

24. (TH)**Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Để tạo ra điện từ năng lượng mặt trời, con người chỉ cần những gì?

Thông tin: In addition, to generate electricity from solar power, people only need some solar panels, which are easy to be installed.

Tạm dịch: Ngoài ra, để tạo ra điện từ năng lượng mặt trời, người ta chỉ cần một số tấm pin mặt trời, rất dễ lắp đặt.

Đáp án People only need solar panels.

Dịch bài đọc:

Năng lượng mặt trời đã trở thành một trong những nguồn năng lượng thay thế quan trọng nhất khi con người đang dần cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên như than, dầu hay rừng vì nhiều lý do. Đầu tiên, nó là nguồn năng lượng không gây ô nhiễm và dồi dào. Nó không gây ô nhiễm không khí bằng cách giải phóng các khí độc hại như carbon dioxide, oxit nitơ hoặc oxit lưu huỳnh. Vì vậy, nguy cơ thiệt hại cho môi trường sẽ giảm. Quan trọng hơn, năng lượng mặt trời có thể được sử dụng để sản xuất điện miễn là mặt trời còn tồn tại và tất nhiên ánh sáng mặt trời có ở khắp mọi nơi. Ngoài ra, để tạo ra điện từ năng lượng mặt trời, người ta chỉ cần một số tấm pin mặt trời, rất dễ lắp đặt. Và cuối cùng, năng lượng từ mặt trời này có thể được sử dụng ở những nơi xa xôi, nơi việc vận hành đường dây điện khó khăn hoặc tốn kém. Các tấm pin mặt trời có thể được lắp đặt miễn là chúng nhận được ánh sáng mặt trời.

25. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc câu đồng nghĩa

Giải thích:

Cấu trúc câu ước ở hiện tại, mệnh đề sau “if” chúng ta chia ở thì quá khứ đơn

=> John wishes he joined in the football match training.

Câu gốc: John không tham gia tập luyện trận đấu bóng đá.

Tạm dịch: John ước gì anh ấy đã tham gia vào buổi huấn luyện thi đấu bóng đá.

Đáp án he joined in the football match training.

26. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc câu đồng nghĩa

Giải thích:

Cấu trúc thể bị động ở thì tương lai đơn: will be + V-p2

=> Chatbot AI will be used in the future.

Câu gốc: Mọi người sẽ sử dụng Chatbot AI trong tương lai.

Tạm dịch: Chatbot AI sẽ được sử dụng trong tương lai.

Đáp án will be used in the future.

27. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc câu đồng nghĩa

Giải thích:

Tình huống đưa ra ở hiện tại nên chúng ta dùng câu điều kiện loại 2, dùng để giả định những điều không có thật ở hiện tại

Cấu trúc: If + S + V-quá khứ đơn + O, S + would (not) + V-infinitive + O.

=> If I studied harder enough, I could get better very interesting.

Câu gốc: Tôi không thể đạt điểm cao hơn vì tôi không học chăm chỉ hơn.

Tạm dịch: Nếu tôi học chăm chỉ hơn, tôi có thể trở nên tốt hơn rất thú vị.

Đáp án I studied harder enough, I could get better very interesting.

28. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc câu đồng nghĩa

Giải thích:

Chúng ta dùng đại từ quan hệ “which” để thay thế cho chủ thể làm vật, có thể làm chủ ngữ hoặc tân ngữ trong câu

Trong trường hợp này, “which” thay thế cho “it”

=> The book which I bought from the bookstore yesterday was very interesting.

Câu gốc: Cuốn sách rất thú vị. Tôi đã mua nó từ hiệu sách ngày hôm qua.

Tạm dịch: Cuốn sách tôi mua ở hiệu sách ngày hôm qua rất thú vị.

Đáp án I bought from the bookstore yesterday was very interesting.

29. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc câu cơ bản

Giải thích:

“It” là chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít nên chúng ta dùng tobe là “is”

“electric bikes” là phương tiện nên dùng giới từ “by”

without: mà không

=> It is dangerous for students to go to school by electric bikes without wearing helmets.

Tạm dịch: Học sinh đi học bằng xe đạp điện mà không đội mũ bảo hiểm rất nguy hiểm.

Đáp án It is dangerous for students to go to school by electric bikes without wearing helmets.

30. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc câu cơ bản

Giải thích:

Câu điều kiện loại 1 dùng để diễn tả những giả định có thật ở hiện tại

Cấu trúc: If + S + V-hiện tại đơn + O, S + will + V-infinitive + O.

=> If we are not aware of protecting wildlife, there will be nothing left for the future generations.

Tạm dịch: Nếu chúng ta không có ý thức bảo vệ động vật hoang dã thì sẽ không còn gì cho thế hệ tương lai.

Đáp án If we are not aware of protecting wildlife, there will be nothing left for the future generations.